

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST

Ngày 09 -7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Anh Văn

2. Ông Trương Văn Bình

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Lâu Văn Chứ, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Muờng Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng Lát tham gia phiên toà:
Ông Lâu Văn Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 17/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Thị C** - Sinh năm 1980.

Nơi sinh: Xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Bản Pọng 1, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Lộc Văn X, đã chết; Con bà: Hà Thị D, sinh năm 1944; Chồng: Lò Khăm T, sinh năm 1980; con 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 chuyển tạm giam ngày 28/02/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Hà Văn Khôi, Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Lò Thị Đ, sinh năm 1973
Trú tại: Bản Pọng 1, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06^h ngày 22/02/2019, Lò Thị C sinh năm 1980 điều khiển xe máy mang biển kiểm soát (BKS) 36Z5-0361 đi từ nhà mình ở bản Pọng 1, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, đến gặp và rủ Lương Văn T, sinh năm 1970 ở bản Chiềng, huyện Quan Hóa để đi cùng sang bản Khăm Nàng – Lào để sử dụng ma túy thì T đồng ý và hai người cùng đi. Đến khoảng 8^h cùng ngày, khi 02 người đến bản Khăm Nàng – Lào, Vi Văn T đi bắt cá ở ngoài ruộng, còn Lò Thị C đi và mua của một người phụ nữ dân tộc Mông (Lào) một gói hêrôin với số tiền là 1.600.000^d (Một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn), sau đó C xin thêm của người này được 03 viên hồng phiến. Khi mua ma túy xong, C lấy một ít hêrôin ra để riêng, số ma túy còn lại C gói vào 01 gói và nhét vào lỗ hậu môn rồi đi đến gặp và đưa số hêrôin mà C đã để riêng trước đó cho Vi Văn T để C và T cùng nhau sử dụng. Sử dụng ma túy xong, C và T đi vào rừng hái măng. Đến khoảng 17^h cùng ngày C và T quay về nhà. Trên đường đi về, khi 02 người đến bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, thì Ci và T bị tổ công tác Công an huyện Mường Lát phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy mà C mua được trước đó tại bản Khăm Nàng- Lào.

Ngoài ra, Tổ công tác còn thu giữ: 01 xe máy BKS 36Z5-0361, loại xe ELEGANT, xe đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định số: 643/MT-PC09 ngày 26/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Các cục bột dạng nén màu trắng của gói nilon thứ nhất trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 1,986g (Một phẩy chín trăm tám mươi sáu gam), loại: Hêrôin.

- Các cục bột dạng nén màu trắng của gói nilon thứ hai trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 8,150g (Tám phẩy một trăm năm mươi gam), loại: Hêrôin.

- 03 viên nén hình tròn màu hồng, trên bề mặt mỗi viên dập chìm chữ “WY” của gói nilon thứ hai trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,298g (Không phẩy hai trăm chín mươi tám gam), loại: Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKS-ML ngày 03/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Lò Thị C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm n, khoản 2, điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Lò Thị C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, điều 51; Điểm n, khoản 2 điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hình phạt áp dụng đối với bị cáo Lò Thị C từ **05** năm **06** tháng đến **06** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo là hộ cận nghèo và là người nghiện chất ma túy.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định. Trả lại 01 chiếc xe máy cho chị Lò Thị Đ.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không kìm chế được bản thân, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới. Bị cáo xin HĐXX trả lại chiếc xe máy đã bị thu giữ cho gia đình chị Lò Thị Đ.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không được đi học nên không biết chữ, dẫn đến nhận thức về pháp luật bị hạn chế. Nên đề nghị HĐXX cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình nuôi dạy con cái, trở thành người công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa chung; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, vì bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Thị Đ trình bày: Gia đình tôi mua chiếc xe máy này từ năm 2012 của chị Lò Thị H, sinh năm 1983 người ở cùng bản với số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng chẵn), đến nay gia đình tôi vẫn chưa sang tên đổi chủ. Ngày 22/7/2019, Lò Thị C là em chồng tôi đến hỏi mượn xe đi hái măng, vì là em chồng nên chị cho mượn, nhưng sau đó C đi đâu làm gì tôi không biết. Chị mong HĐXX cho chị được xin lại chiếc xe để phục vụ cuộc sống gia đình, vì gia đình có mỗi chiếc xe máy là tài sản quý giá nhất.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, đồng tình với lời bào chữa và đồng ý với ý kiến của chị Lò Thị Đ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, vì là người nghiện chất ma túy nên không làm chủ được bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình nuôi dạy con cái và sẽ trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Lò Thị C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản lấy mẫu giám định; biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng và trích mẫu giám định; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản kết luận giám định; biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Sáng ngày 22/02/2019, bị cáo đi xe máy đến rủ Vi Văn T sang bản Khảm Nàng- Lào để sử dụng ma túy. Tại đây, khi Vi Văn T đi bắt cá ngoài ruộng thì Lò Thị C đã mua ma túy của một người phụ nữ dân tộc Mông (Lào) một lượng hêrôin với số tiền là 1.600.000đ, sau đó xin thêm được 03 viên hồng phiến. Khi có ma túy, Lò Thị C đã lấy ra một ít để riêng, số còn lại giấu vào trong lỗ hậu môn. Sau đó C đi đến chỗ Vi Văn T rồi 02 người cùng sử dụng số hêrôin mà C đã để riêng ra trước đó. Sử dụng xong, 02 người đi lấy măng và đến 17 giờ cùng ngày thì hai người quay về, trên đường về đến bản Táo xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì bị bắt quả tang. Tổng 02 loại ma túy (Hêrôin và Methamphetamine) của bị cáo Lò Thị C tàng trữ trái phép là: 10,434g (Mười phẩy bốn trăm ba mươi tư gam).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng không những đến sức khỏe của người nghiện mà ảnh hưởng tới kinh tế của gia đình người nghiện, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự. Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình. Hành vi tàng trữ trái phép là 10,434g (Mười phẩy bốn trăm ba mươi tư gam) Hêrôin và Methamphetamine của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm n khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, HĐXX kết luận: Quan điểm truy tố của vị đại

diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, để phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần phải xét xử nghiêm minh, áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội và để bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy.

[4] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng trong vụ án:

- Các chất ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu hủy.

- 01 xe máy màu xanh, đen; nhãn hiệu ELEGANT; BKS 36Z5-0361; số khung RLGSC10BH8H512370; số máy RMHEX1525MHE00725; xe không gương; không hộp xích; nhiều bộ phận hư hỏng; xe đã qua sử dụng, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lò Thị Đ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lò Thị Đ không có yêu cầu gì.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo và kháng nghị: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[8] Các nhận định khác:

Đối với Vi Văn T là người đi cùng Lò Thị C sang bản Khảm Nàng-Lào để sử dụng ma túy. Nhưng Vi Văn T không biết Lò Thị C mua ma túy và tàng trữ ma túy, nên Vi Văn T không phải chịu trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Vi Văn T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với người phụ nữ dân tộc Mông (Lào), là người đã bán ma túy cho bị cáo, việc mua bán này diễn ra ngoài lãnh thổ Việt Nam. Nên Cơ quan Công an huyện Mường Lát không đủ thẩm quyền để xác minh làm rõ, nên không thể xử lý.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm n, khoản 2 điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo **Lò Thị C** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Lò Thị C 06** (Sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (22/02/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong mẫu vật do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Lò Thị C, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đăng, Lưu Bình Nguyên, Phạm Văn Hiếu và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, đóng giáp lai. Phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

- Trả lại: 01 xe máy màu xanh, đen; nhãn hiệu ELEGANT; BKS 36Z5-0361; số khung RLGSC10BH8H512370; số máy RMHEX1525MHE00725; xe không gương; không hộp xích; nhiều bộ phận hư hỏng; xe đã qua sử dụng, cho chị Lò Thị Đ, sinh năm 1973, trú tại: Bản Pọng 1, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tất cả các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/6/2019 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quyền Kháng cáo, Kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Hiền Kiệt, H. Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- Trại tạm giam Công an T. Thanh Hóa;
- Bị cáo Lò Thị C;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

